

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

Số: 663/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Thuận, ngày 10 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố bổ sung Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Đấu thầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận (Thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 26/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 26/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế hoạt động thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Ninh Thuận;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 2875/SKHĐT-ĐTGS ngày 23/8/2019 và ý kiến của Chánh Văn phòng UBND tỉnh tại Tờ trình số 24.../TTr-VPUB ngày 10.../10/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đấu thầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Phụ lục 1: Thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Ninh Thuận;
- Phụ lục 2: Thực hiện tại các cơ quan chủ đầu tư thực hiện dự án .

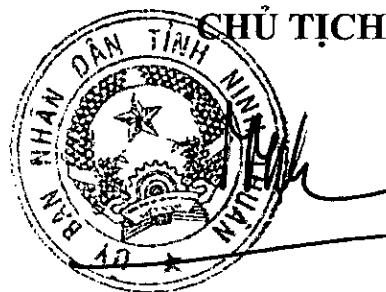
Điều 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ Danh mục thủ tục hành chính được công bố tại Phụ lục 1 Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm cung cấp đúng, đầy đủ nội dung, quy trình giải quyết các thủ tục hành chính để Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh niêm yết, công khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục kiểm soát TTHC (VPCP);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- TT CNTT&TT (Sở TTTT);
- VPUB: LD;
- Lưu: VT, TTPVHCC. TXS.



Lưu Xuân Vĩnh



PHỤ LỤC 1

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐẦU THẦU THUỘC
PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
(THỰC HIỆN TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG
TỈNH NINH THUẬN)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1663/QĐ-UBND ngày 10/10/2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
A. LĨNH VỰC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ				
01	Thủ tục cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu trong lựa chọn nhà đầu tư	07 ngày làm việc	Không	Quyết định số 2795/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 của UBND tỉnh
02	Thủ tục thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư	21 ngày làm việc	Chi phí thẩm định Hồ sơ mời sơ tuyển được tính bằng 0,01% tổng mức đầu tư nhưng tối thiểu là 10.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng.	
03	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư.	21 ngày làm việc	Chi phí thẩm định kết quả sơ tuyển được tính bằng 0,01% tổng mức đầu tư nhưng tối thiểu là 10.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng	
04	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư	21 ngày làm việc	Không	
05	Thủ tục thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	21 ngày làm việc	Chi phí thẩm định đối với từng nội dung về Hồ sơ mời thầu, Hồ sơ yêu cầu được tính bằng 0,02% tổng mức đầu tư nhưng tối thiểu là 5.000.000 đồng và tối đa là 100.000.000 đồng.	

2

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
06	Thủ tục thẩm định và phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong lựa chọn nhà đầu tư	21 ngày làm việc	Không	
07	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư	21 ngày làm việc	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư được tính bằng 0,02% tổng mức đầu tư nhưng tối thiểu là 5.000.000 đồng và tối đa là 100.000.000 đồng.	
08	Thủ tục giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư	20 ngày làm việc	Không	
09	Thủ tục giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư	30 ngày làm việc	Chi phí cho Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà đầu tư về kết quả lựa chọn nhà đầu tư là 0,02% tổng mức đầu tư của nhà đầu tư có kiến nghị nhưng tối thiểu là 20.000.000 đồng và tối đa là 200.000.000 đồng.	
10	Thủ tục phê duyệt danh mục dự án có sử dụng đất cần lựa chọn nhà đầu tư	Không	Không	
11	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án do nhà đầu tư đề xuất.	- Dự án nhóm A: 60 ngày. - Dự án nhóm B: 30 ngày.	Không	
12	Thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do nhà đầu tư đề xuất.	- Dự án nhóm A: 40 ngày. - Dự án nhóm B, C: 30 ngày.	Không	
13	Thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án do nhà đầu tư đề	- Dự án nhóm A: 40 ngày. - Dự án nhóm B, C: 30 ngày.	Không	

Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 của UBND tỉnh

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	xuất.			
B. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP)				
01	Thủ tục thẩm định và phê duyệt đề xuất các dự án nhóm A, B, C do UBND cấp tỉnh lập	25 ngày làm việc	Không	Quyết định số 2795/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 của UBND tỉnh
02	Thủ tục thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án	- Dự án nhóm A: 30 ngày làm việc. - Dự án nhóm B, C: 15 ngày làm việc.	Không	
03	Thủ tục phê duyệt chủ trương sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án	30 ngày làm việc	Không	
04	Thủ tục công bố dự án	07 ngày làm việc	Không	
05	Thủ tục chuyển đổi hình thức đầu tư đối với các dự án đầu tư bằng vốn đầu tư công	- Dự án nhóm A: 30 ngày làm việc. - Dự án nhóm B, C: 15 ngày làm việc.	Không	
06	Thủ tục thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án của Nhà đầu tư	21 ngày làm việc	Không	
07	Thủ tục thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm A, B, quan trọng quốc gia	- Dự án quan trọng quốc gia: 90 ngày làm việc. - Dự án nhóm A: không quá 40 ngày làm việc. - Đối với dự án nhóm B: không quá 30 ngày làm việc.	Không	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
08	Thủ tục thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm A, B, quan trọng quốc gia	- Dự án quan trọng quốc gia: 90 ngày làm việc. - Dự án nhóm A: không quá 40 ngày làm việc. - Đối với dự án nhóm B: không quá 30 ngày làm việc.	Không	Quyết định số 659/QĐ-UBND ngày 18/4/2017 của UBND tỉnh
09	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	25 ngày làm việc	Không	
10	Thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	25 ngày làm việc	Không	
11	Thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	21 ngày làm việc	Không	
12	Thủ tục cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư.	07 ngày làm việc	Không	
13	Thủ tục thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư.	35 ngày làm việc	Chi phí thẩm định HSMST được tính bằng 0,01% tổng mức đầu tư nhưng tối thiểu là 10.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng.	
14	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư.	35 ngày làm việc	Chi phí thẩm định kết quả sơ tuyển được tính bằng 0,01% tổng mức đầu tư nhưng tối thiểu là 10.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng.	
15	Thủ tục thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời	35 ngày làm việc	Chi phí thẩm định đối với từng nội dung về HSMT,	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư.		HSYC được tính bằng 0,02% tổng mức đầu tư nhưng tối thiểu là 5.000.000 đồng và tối đa là 100.000.000 đồng	
16	Thủ tục thẩm định và phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư.	21 ngày làm việc	Không	

C. LĨNH VỰC ĐẦU THẦU, LỰA CHỌN NHÀ THẦU

01	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	18 ngày làm việc	Không	Quyết định số 2795/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 của UBND tỉnh
02	Thủ tục thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn	21 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí thẩm định hồ sơ mời quan tâm được tính bằng 0,03% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 30.000.000 đồng. - Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu được tính bằng 0,05% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng. 	
03	Thủ tục thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu xây lắp	21 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển được tính bằng 0,03% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 30.000.000 đồng. - Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu được tính bằng 0,05% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng. 	
04	Thủ tục thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời	21 ngày làm việc	- Chi phí thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển được tính	

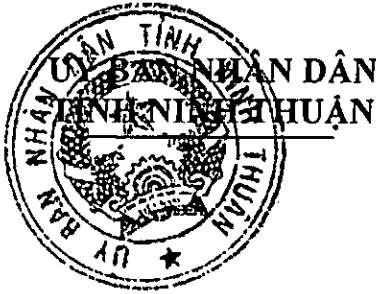
STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa		bằng 0,03% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 30.000.000 đồng. - Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu được tính bằng 0,05% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng.	
05	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm đối với gói thầu dịch vụ tư vấn	21 ngày làm việc	- Chi phí 0,05% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng.	
06	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển đối với gói thầu xây lắp và mua sắm hàng hóa	21 ngày làm việc	Không	
07	Thủ tục thẩm định và phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật	21 ngày làm việc	- Chi phí thẩm định kết quả đánh giá Hồ sơ đề xuất kỹ thuật được tính bằng 0,05% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng (bao gồm cả chi phí thẩm định kết quả đánh giá Hồ sơ đề xuất tài chính).	
08	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	21 ngày làm việc	- Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu được tính bằng 0,05% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng (bao gồm cả chi phí thẩm định kết quả đánh giá Hồ sơ đề xuất kỹ thuật đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ).	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
09	Thủ tục phê duyệt danh sách ngân	14 ngày làm việc	Không	
10	Thủ tục giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu	05 ngày làm việc	Không	
11	Thủ tục giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	25 ngày làm việc	Chi phí cho Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị là 0,02% giá dự thầu của nhà thầu có kiến nghị, tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng.	
12	Thủ tục thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn.	21 ngày làm việc	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu được tính bằng 0,05% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng.	Quyết định số 659/QĐ-UBND ngày 18/4/2017 của UBND tỉnh
13	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn.	21 ngày làm việc	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu được tính bằng 0,05% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng.	
D. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP – NÔNG THÔN				
01	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ	07 ngày làm việc	Không	Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 của UBND tỉnh
E. LĨNH VỰC VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA), VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI				
01	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại	15 ngày làm việc	Không	Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của UBND

7/2

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
02	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, chương trình mục tiêu: không quá 87 ngày; - Đối với dự án đầu tư nhóm A: không quá 42 ngày; - Đối với dự án đầu tư nhóm B: không quá 32 ngày; - Đối với dự án đầu tư nhóm C, dự án hỗ trợ kỹ thuật và chương trình, dự án khác: không quá 22 ngày. 	Không	tỉnh
03	Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng	25 ngày làm việc	Không	
04	Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm	Không quy định	Không	
05	Xác nhận chuyên gia	10 ngày làm việc	Không	
TỔNG SỐ TTHC: 48 Thủ tục				

h2



PHỤ LỤC 2

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐẦU THẦU THUỘC
PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
(THỰC HIỆN TẠI CÁC CƠ QUAN CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN)
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1663/QĐ-UBND ngày 10/10/2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)**

STT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
A. LĨNH VỰC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ		
01	Thủ tục phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	Thực hiện theo Quyết định số 2795/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 của UBND tỉnh
02	Thủ tục làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	
03	Thủ tục sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	
04	Thủ tục làm rõ hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trong lựa chọn nhà đầu tư	
05	Thủ tục mở thầu trong lựa chọn nhà đầu tư	
06	Thủ tục mời thầu, gửi thư mời thầu trong lựa chọn nhà đầu tư	
B. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP)		
01	Thủ tục phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư.	Thực hiện theo Quyết định số 659/QĐ-UBND ngày 18/4/2017 của UBND tỉnh
02	Thủ tục làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư.	
03	Thủ tục sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư.	
04	Thủ tục làm rõ hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	

02

STT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
	thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư.	
05	Thủ tục mở thầu trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư.	
06	Thủ tục mời thầu, gửi thư mời thầu trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư.	
C. LĨNH VỰC ĐẤU THẦU, LỰA CHỌN NHÀ THẦU		
01	Thủ tục lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ	Thực hiện theo Quyết định số 2795/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 của UBND tỉnh
02	Thủ tục đăng ký tham gia hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	
03	Thủ tục lựa chọn nhà thầu qua mạng	
04	Thủ tục cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu	
05	Thủ tục phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	
06	Thủ tục làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	
07	Thủ tục sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	
08	Thủ tục làm rõ hồ sơ dự thầu	
09	Thủ tục mở thầu	
10	Thủ tục gửi thư mời thầu đến các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn	
11	Thủ tục phát hành hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn.	Thực hiện theo Quyết định số 659/QĐ-UBND ngày 18/4/2017 của UBND tỉnh
12	Thủ tục làm rõ hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn.	
13	Thủ tục sửa đổi hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn.	
14	Thủ tục làm rõ hồ sơ dự thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn.	
15	Thủ tục mở thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn.	
16	Thủ tục thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng.	
17	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu rộng rãi và chào hàng cạnh	

STT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
	tranh qua mạng.	
18	Thủ tục phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng.	
19	Thủ tục làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng.	
20	Thủ tục sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng.	
21	Thủ tục làm rõ hồ sơ dự thầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng.	
22	Thủ tục mở thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.	
	TỔNG SỐ TTHC: 34 Thủ tục	

13